TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12/8/2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải, ông Nguyễn Trọng Lâm.
- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, *tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Luật - Kiểm sát viên.

Ngày 12/8/2019 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 78/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 19...; địa chỉ tại tổ dân phố 5, thị trấn Cát Tiên, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Trần Thanh H**,** sinh năm 19...; nơi cư trú tại số nhà 50, tổ 2, ấp 4, xã Đắc Lua, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đơn khởi kiện ngày 28/02/2019 và lời khai trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Năm 2017 vợ chồng các đương sự đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đắc Lua, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc, đến ngày 20 tháng 01 năm 2019 phát sinh các mâu thuẫn vợ và chồng, do bị đơn không tích cực lao động để có thu nhập giúp đỡ các thành viên trong gia đình mà đuổi vợ đi khỏi nhà, có những lời nói không đúng với vợ làm phát sinh mâu thuẫn vợ và chồng. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 01 năm 2019 đến nay;

Vợ chồng có 01 người con là Trần Hoàng Khánh N, sinh ngày 26/01/20... (vẫn đang cư trú, sinh sống với nguyên đơn), bị đơn đồng ý để nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng con; đối với nợ chung không có, tài sản chung không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề này.

Vợ chồng các đương sự không còn tình nghĩa, không thể hàn gắn lại hôn nhân. Yêu cầu được ly hôn và được trực tiếp nuôi con, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con.

** Trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, bị đơn trình bày ý kiến*:

Bị đơn thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về hôn nhân, con, tài sản chung, nợ chung là đúng sự thật;

Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 01 năm 2019, bị đơn có uống rượu bia, xem bóng đá về nhà trễ thì xảy ra mâu thuẫn giữa vợ và chồng, rồi P về nhà cha mẹ đẻ tại thị trấn Cát Tiên huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng để cư trú. Bị đơn không đồng ý ly hôn vì còn yêu thương vợ, đồng ý để vợ tiếp tục nuôi con, đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến ngày con đủ 18 tuổi.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau*:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Xét tình trạng vợ chồng P và H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28 khoản 1, Điều 203, 205, 227 khoản 1 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Nguyễn Thị P được ly hôn với Trần Thanh H; con là Trần Hoàng Khánh N, sinh ngày 26/01/20... giao cho bà P nuôi dưỡng; ông H cấp dưỡng nuôi con 2.000.00 đồng/tháng. Tài sản chung tự thỏa thuận giải quyết; nợ chung, nợ riêng không có; chị P phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, anh H phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, được nuôi con. Quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã Đắc Lua, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà; Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến, quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan hệ hôn nhân và gia đình của các đương sự được xác lập năm 2007, đến nay Tòa án đang giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Hôn nhân giữa các đương sự có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật được coi là hôn nhân hợp pháp.

Qua ý kiến trình bày của các đương sự và tài liệu xác minh của Tòa án là chứng cứ chứng minh: Các đương sự sống chung có nhiều mâu thuẫn trong quan hệ vợ

chồng, các đương sự không còn sống chung từ tháng 01 năm 2019 đến nay. Nguyên đơn và bị đơn vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, giúp đỡ giữa vợ và chồng, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về trách nhiệm của các đương sự đối với con chưa thành niên:

Con của các đương sự là Trần Hoàng Khánh N đã sinh sống, cư trú ổn định với bà Nguyễn Thị P. Khi nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến, giải quyết: Bà Nguyễn Thị P là người trực tiếp nuôi con là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Bà P không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung của các đương sự không có tranh chấp không có khởi kiện Tòa án không thụ lý giải quyết các vấn đề này. Đối với quan hệ dân sự khác có liên quan đến trách nhiệm của bà P và ông H khi có đơn khởi kiện thì Tòa án thụ lý giải quyết trong vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu được ly hôn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu ly hôn và được nuôi con là phù hợp với các chứng cứ vụ án và các quy định của pháp luật;

Kiểm sát viên đề nghị ông H cấp dưỡng nuôi con 2.000.00 đồng mỗi tháng là vi phạm Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự vì nguyên đơn không có khởi kiện vấn đề này, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nên không thể xác định được ý kiến của bị đơn tại thời điểm xét xử vụ án, Hội đồng xét xử chỉ công nhận ý kiến tự nguyện thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa không vi phạm điều cấm của luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị P

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Trần Thanh H;

- Về trách nhiệm của các đương sự đối với con chưa thành niên:

Bà Nguyễn Thị P là người trực tiếp nuôi con đối với Trần Hoàng Khánh N, sinh ngày 26/01/20... (bà P không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con);

Sau khi ly hôn, các đương sự có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật và có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung của các đương sự không có khởi kiện Tòa án không thụ lý giải quyết. Đối với quan hệ dân sự khác có liên quan đến trách nhiệm của bà P và ông H khi có đơn khởi kiện thì Tòa án thụ lý giải quyết trong vụ án khác.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 006425 ngày 04/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND cấp xã nêu trên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Kim Đính